

TRẮC NGHIỆM TIẾN HÓA

Câu 1: Hiện tượng lại tổ là:

- Trường hợp cơ quan thoái hoá lại phát triển mạnh và biểu hiện ở một cá thể nào đó.
- Trường hợp cơ quan tương đồng lại phát triển mạnh và biểu hiện ở một cá thể nào đó
- Trường hợp cơ quan tương tự lại phát triển mạnh và biểu hiện ở một cá thể nào đó
- Trường hợp cơ quan thoái hoá lại phát triển mạnh ở một phôi người nào đó

Câu 2: Bằng chứng tiến hoá nào cho thấy sự đa dạng và thích ứng của sinh giới?

- Bằng chứng giải phẫu học so sánh
- Bằng chứng phôi sinh học so sánh
- Bằng chứng về tế bào học
- Bằng chứng sinh học phân tử

Câu 3: Đặc điểm hệ động, thực vật của từng vùng phụ thuộc vào những yếu tố nào?

- Chỉ phụ thuộc vào điều kiện địa lý sinh thái của vùng phân bố.
- Không những phụ thuộc vào điều kiện địa lý sinh thái của vùng phân bố mà còn phụ thuộc vùng đó đã tách khỏi các vùng địa lý khác vào thời kỳ nào trong quá trình tiến hoá của sinh giới.
- Không phụ thuộc vào điều kiện địa lý sinh thái của vùng phân bố mà chỉ phụ thuộc vùng đó đã tách ra khỏi các vùng địa lý khác vào thời kỳ nào trong quá trình tiến hoá của sinh giới
- Phụ thuộc vào điều kiện địa lý sinh thái của vùng phân bố, còn không phụ thuộc vào vùng đó đã tách khỏi các vùng địa lý khác như thế nào.

Câu 4: Cơ quan tương đồng có ý nghĩa gì trong tiến hoá:

- Phản ánh sự tiến hoá đồng quy
- Phản ánh chức năng quy định cấu tạo
- Phản ánh nguồn gốc chung
- Phản ánh sự tiến hoá phân ly

Câu 5: Giá trị đầy đủ của bằng chứng tế bào học là:

- Mọi sinh vật đều được cấu tạo từ tế bào. Tế bào là đơn vị tổ chức cơ bản của cơ thể sống.
- Các tế bào đều được sinh ra từ các tế bào sống trước đó. Tế bào là đơn vị tổ chức cơ bản của cơ thể sống.
- Mọi sinh vật đều được cấu tạo từ tế bào. Các tế bào đều được sinh ra từ các tế bào sống trước nó
- Mọi sinh vật đều được cấu tạo từ tế bào, các tế bào đều được sinh ra từ các tế bào sống trước nó. Tế bào là đơn vị tổ chức cơ bản của cơ thể sống.

Câu 6: Nguyên nhân chính tạo cho đảo lục địa có hệ động, thực vật phong phú hơn đảo đại dương là

- Khi mới tách ra, đảo lục địa mang theo hệ động, thực vật của đất liền.
- Do môi trường mới dễ hình thành nhiều loài đặc hữu
- Do được cách ly địa lý tạo thuận lợi cho hình thành nhiều loài mới
- Do khoảng cách ly gần nên các loài ở đất liền dễ nhập cư

Câu 7: Nguyên nhân chính tạo cho đảo đại dương có hệ động, thực vật nghèo nàn hơn đảo lục địa là

- Khi đảo đại dương mới hình thành thì ở đây chưa có sinh vật
- Do khoảng cách ly quá xa nên các loài ở đất liền khó nhập cư
- Do môi trường mới mẻ không thuận lợi cho sinh vật
- do chỉ số ít những loài có khả năng vượt biển mới nhập cư được

TRẮC NGHIỆM TIẾN HÓA

Câu 8: Bằng chứng tiến hoá nào dễ được xác định bằng phương pháp thực nghiệm

- a. Bằng chứng giải phẫu học so sánh b. Bằng chứng phôi sinh học so sánh
c. Bằng chứng tế bào học d. Bằng chứng sinh học phân tử

Câu 9: Nội dung của định luật phát sinh sinh vật là

- a. Sự phát triển cá thể không phản ánh được sự phát triển của loài
b. Sự phát triển cá thể phản ánh 1 cách rút gọn sự phát triển của loài
c. Sự phát triển cá thể lặp lại một cách chi tiết sự phát triển của loài
d. Sự phát triển cá thể phản ánh lịch sử phát triển lâu dài của loài

Câu 10: Trình tự các Nu trong mạch mang mã gốc của 1 đoạn gen mã hoá của nhóm enzym dehydrogenase ở người và các loài vượn người:

- Người: - XGA- TGT-TTG-GTT-TGT-TGG-
- Tinh tinh: - XGT- TGT-TGG-GTT-TGT-TGG-
- Gôri-la: - XGT- TGT-TGG-GTT-TGT-TAT-
- Đười ươi: - TGT- TGG-TGG-GTX-TGT-GAT-

Từ các trình tự Nu nêu trên có thể rút ra những nhận xét gì về mối quan hệ giữa loài người với các loài vượn người

- a. Tinh tinh có quan hệ họ hàng gần với người nhất, tiếp đến Gôri-la, sau cùng là đười ươi.
b. Đười ươi có quan hệ họ hàng gần với người nhất, tiếp đến Gôri-la, sau cùng là tinh tinh
c. Tinh tinh có quan hệ họ hàng gần với người nhất, tiếp đến đười ươi, sau cùng là Gôri-la.
d. Gôri-la có quan hệ họ hàng gần với người nhất, tiếp đến tinh tinh, sau cùng là đười ươi.

Câu 11: Cơ quan tương đồng (cơ quan cùng nguồn) là:

- a. Những cơ quan nằm ở vị trí tương ứng trên cơ thể, có nguồn gốc khác nhau trong quá trình phát triển phôi cho nên có cấu tạo giống nhau.
b. Những cơ quan nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có kiểu cấu tạo giống nhau
c. Những cơ quan nằm ở những vị trí tương ứng trên cơ thể, có cùng nguồn gốc trong quá trình phát triển phôi, cho nên có kiểu cấu tạo giống nhau
d. Những cơ quan nằm ở những vị trí khác nhau trên cơ thể, có cùng nguồn gốc trong quá trình phát triển phôi

Câu 12: Bằng chứng tiến hoá nào có sức thuyết phục nhất:

- a. Bằng chứng giải phẫu học so sánh b. Bằng chứng phôi sinh học so sánh
c. Bằng chứng về tế bào học d. Bằng chứng sinh học phân tử

Câu 13: kiểu cấu tạo giống nhau của các cơ quan tương đồng phản ánh

- a. Tiến hoá đồng quy b. tiến hoá thích ứng
c. Tiến hoá phân li d. nguồn gốc chung của chúng

Câu 14: Phôi của các động vật có xương sống thuộc những lớp khác nhau, trong những giai đoạn phát triển đầu tiên đều:

- a. giống nhau về hình dạng chung nhưng khác nhau về quá trình phát sinh các cơ quan

TRẮC NGHIỆM TIẾN HÓA

- b. giống nhau về hình dạng chung cũng như về quá trình phát sinh các cơ quan
- c. khác nhau về hình dạng chung nhưng giống nhau về quá trình phát sinh các cơ quan
- d. khác nhau về hình dạng chung cũng như quá trình phát sinh các cơ quan

Câu 15: Sở dĩ ngày nay thú có túi chỉ có ở lục địa Úc vì:

- a. Lục địa đã tách rời lục địa châu Á vào cuối Đại trung sinh và đến đầu kỉ Thứ tư thì tách khỏi lục địa Nam Mỹ. Vào thời điểm đó chưa xuất hiện thú có nhau
- b. Lục địa đã tách rời lục địa châu Á vào kỉ thứ 3. Vào thời điểm đó chưa xuất hiện thú có nhau
- c. Lục địa đã tách rời lục địa châu Á vào cuối Đại trung sinh và đến đầu kỉ Thứ ba thì tách khỏi lục địa Nam Mỹ. Vào thời điểm đó chưa xuất hiện thú có nhau
- d. Lục địa đã tách rời lục địa châu Á và lục địa Nam Mỹ vào cuối Đại Trung sinh. Vào thời điểm đó chưa xuất hiện thú có nhau

Câu 16: Đặc điểm nổi bật của động, thực vật ở đảo lục địa?

- a. Có toàn các loài du nhập từ nơi khác đến
- b. Giống hệt với hệ động, thực vật ở vùng lục địa gần nhất
- c. Có toàn những loài đặc hữu
- d. Có hệ động thực vật phong phú hơn ở đảo đại dương

Câu 17: Cơ quan thoái hoá là:

- a. Cơ quan phát triển không đầy đủ ở cơ thể trưởng thành. Do điều kiện sống của loài đã thay đổi, cơ quan này thay đổi chức năng ban đầu, tiêu giảm dần và chỉ để lại vết tích xa xưa của chúng.
- b. Cơ quan phát triển không đầy đủ ở giai đoạn phôi. Do điều kiện sống của loài đã thay đổi, cơ quan này thay đổi chức năng ban đầu, tiêu giảm dần và chỉ để lại vết tích xa xưa của chúng.
- c. Cơ quan phát triển không đầy đủ ở cơ thể trưởng thành. Do điều kiện sống của loài không thay đổi, cơ quan này thay đổi chức năng ban đầu, tiêu giảm dần và chỉ để lại vết tích xa xưa của chúng.
- d. Cơ quan phát triển không đầy đủ ở cơ quan trưởng thành. Cơ quan phát triển không đầy đủ ở cơ thể trưởng thành. Do điều kiện sống của loài đã thay đổi, cơ quan này thay đổi chức năng ban đầu, tiêu giảm dần và chỉ để lại vết tích xa xưa của chúng.

Câu 18: Giá trị đầy đủ của những dẫn liệu địa sinh vật học là:

- a. Mỗi loài động vật hay thực vật đã phát sinh trong một thời điểm nhất định, tại một vùng nhất định.
- b. Mỗi loài động vật hay thực vật đã phát sinh tại một vùng nhất định.
- c. Mỗi loài động vật hay thực vật đã phát sinh trong một thời kì lịch sử nhất định
- d. Mỗi loài động vật hay thực vật đã phát sinh trong một thời kì lịch sử nhất định, tại một vùng nhất định và các loài có nguồn gốc chung

Câu 19: Bằng chứng tiến hoá nào được xem là một trong những thành tựu khoa học lớn nhất ở thế kỉ XIX

- a. Bằng chứng phôi sinh học so sánh
- b. Bằng chứng giải phẫu học so sánh
- c. Bằng chứng sinh học phân tử
- d. Bằng chứng tế bào học

TRẮC NGHIỆM TIẾN HÓA

Câu 20: Những cơ quan nào dưới đây là cơ quan tương tự

- a. Tuyến nọc độc của rắn và tuyến nước bọt
- b. Mang cá và mang tôm
- c. Gai xương rồng và tua cuốn của đậu Hà Lan
- d. Vòi hút của bướm và đôi hàm dưới của các loài sâu bọ khác

Câu 21: Ý nào sau đây nói chưa đúng về cơ quan thoái hoá?

- a. Ở loài trăn hai bên lỗ huyết còn có 2 mấu xương hình móng vuốt nối với xương chậu, điều này nói lên rằng bò sát không chân đã xuất phát từ bò sát có chân
- b. Cá voi là động vật có vú, do thích nghi với đời sống dưới nước, các chi sau đã bị tiêu giảm, hiện chỉ còn di tích của xương đai hông, xương đuôi và xương chày, hoàn toàn dính với cột sống
- c. Ở các loài động vật có vú, trên cơ thể hầu hết các con đực đều có di tích các tuyến sữa không hoạt động.
- d. Trong hoa đực của cây đu đủ có 10 nhị, ở giữa vẫn còn di tích nhụy

Câu 22: Cơ quan tương tự có ý nghĩa gì trong tiến hoá

- a. Phản ánh sự tiến hoá phân ly
- b. Phản ánh chức năng quy định cấu tạo
- c. Phản ánh sự tiến hoá đồng quy
- d. Phản ánh nguồn gốc chung

Câu 23: Tỷ lệ % các aa sai khác nhau ở chuỗi polypeptid anpha trong phân tử Hemoglobin được thể hiện ở bảng sau:

	Cá mập	Cá chép	Kỳ nhông	Chó	Người
Cá mập	0	59,4	61,4	56,8	53,2
Cá chép		0	53,2	47,9	48,6
Kỳ nhông			0	46,1	44,0
Chó				0	16,3
Người					0

Từ bảng trên cho thấy mối quan hệ giữa các loài theo trật tự nào

- a. Người, chó, kỳ nhông, cá chép, cá mập
- b. Người, cho, cá chép, kỳ nhông, cá mập
- c. Người, chó, cá mập, cá chép, kỳ nhông
- d. Người, chó, kỳ nhông, cá mập, cá chép

Câu 24: Những cơ quan nào dưới đây là cơ quan tương đồng?

- a. Cánh sâu bọ và cánh dơi
- b. tuyến nọc độc của rắn và tuyến nước bọt
- c. Mang cá và mang tôm
- d. Chân chuột chũi và chân dế dũi

Câu 25: Cơ quan tương tự (cơ quan cùng chức) là

- a. Những cơ quan có nguồn gốc giống nhau đảm nhiệm những chức năng giống nhau nên có hình thái tương tự
- b. Những cơ quan có nguồn gốc khác nhau nhưng đảm nhiệm những chức năng giống nhau nên hình thái tương tự
- c. Những cơ quan có nguồn gốc khác nhau tuy đảm nhiệm những chức năng khác nhau nên có hình thái tương tự
- d. Cơ quan có nguồn gốc khác nhau tuy đảm nhiệm những chức năng giống nhau nhưng có hình thái khác nhau

Câu 26: Học thuyết tế bào cho rằng:

TRẮC NGHIỆM TIẾN HÓA

- a. Tất cả các cơ thể sinh vật từ đơn bào đến nấm, thực vật đều được cấu tạo từ tế bào
- b. Tất cả các cơ thể sinh vật từ đơn bào đến đa bào đều được cấu tạo từ tế bào
- c. Tất cả các cơ thể sinh vật, từ đơn bào đến động, thực vật đều được cấu tạo từ tế bào
- d. Tất cả các cơ thể sinh vật từ đơn bào đến động vật, nấm đều được cấu tạo từ tế bào

Câu 27: Sự giống nhau trong phát triển phôi của các loài thuộc các nhóm phân loại khác nhau phản ánh

- a. Nguồn gốc chung của sinh vật
- b. Sự tiến hoá phân ly
- c. Mức độ quan hệ giữa các nhóm loài
- d. Quan hệ giữa phát triển cá thể và phát triển loài

Câu 28: Những sai khác về chi tiết về các cơ quan tương đồng:

- a. Do sống trong những môi trường sống khác nhau
- b. Để thực hiện những chức năng khác nhau
- c. Do thực hiện những chức năng khác nhau
- d. Để thích ứng với những môi trường sống khác nhau

Câu 29: Ý nào không phải là bằng chứng sinh học phân tử

- a. Sự thống nhất về chức năng và cấu tạo của ADN của các loài
- b. Sự thống nhất về chức năng và cấu tạo của Protein của các loài
- c. Sự thống nhất về chức năng và cấu tạo của mọi gen của các loài
- d. Sự thống nhất về chức năng và cấu tạo của mã di truyền của các loài

Câu 30: Vùng Cổ Bắc và Tân Bắc có hệ động vật về căn bản là giống nhau vì

- a. Cho đến kỷ đầu Kỷ thứ tư hai vùng Cổ Bắc và Tân Bắc còn nối liền với nhau, do đó sự phân bố động, thực vật của cả hai vùng đồng nhất
- b. Cho đến giữa kỷ thứ tư, 2 vùng Cổ Bắc và Tân Bắc còn nối liền với nhau, do đó sự phân bố động, thực vật của cả hai vùng đồng nhất
- c. Cho đến kỷ đầu Kỷ thứ ba hai vùng Cổ Bắc và Tân Bắc còn một khối chưa phân tách, do đó sự phân bố động, thực vật của cả hai vùng đồng nhất
- d. Cho đến kỷ đầu Kỷ thứ ba hai vùng Cổ Bắc và Tân Bắc còn nối liền với nhau, do đó sự phân bố động, thực vật của cả hai vùng đồng nhất

Câu 31/ Để xác định mức độ quan hệ họ hàng giữa các loài về các đặc điểm hình thái, thì người ta hay sử dụng các cơ quan thoái hoá vì:

- a. Cơ quan đó là cơ quan tương đồng.
- b. Cơ quan đó có từ tổ tiên, hiện nay không còn tác dụng.
- c. Cơ quan đó vẫn còn trên động vật.
- d. Cơ quan đó có chức năng quan trọng ở tổ tiên, nhưng do điều kiện sống mà cơ quan đó bị thoái hoá.

Câu 32/ Cơ quan thoái hoá có ý nghĩa chủ yếu để:

- a. Xác định mối quan hệ họ hàng giữa các loài.
- b. Xác định mối quan hệ tiến hoá.
- c. Xác định cấu tạo cụ thể chi tiết của các cơ quan.
- d. Xác định chức năng của cơ quan.

Câu 33: Sự hình thành đặc điểm thích nghi ở sinh vật theo Lamac là

- a. Trên cơ sở tính BD, DT và CL nên các dạng kém thích nghi bị đào thải, dạng còn lại là dạng thích nghi nhất.

TRẮC NGHIỆM TIẾN HÓA

- b. Đặc điểm cấu tạo biến đổi theo nguyên tắc cân bằng dưới tác dụng của ngoại cảnh.
- c. Ngoại cảnh thay đổi chậm chạp SV có khả năng biến đổi thích nghi nên không có dạng nào bị đào thải.
- d. Kết quả của quá trình lịch sử, chịu sự chi phối của 3 nhân tố chủ yếu: đột biến, giao phối và CLTN

Câu 34/ Nguyên nhân của tiến hoá theo Lamac là

- a. Sự tích lũy các biến dị có lợi, đào thải các biến dị có hại dưới tác dụng của ngoại cảnh.
- b. Kết quả của quá trình cách li địa lý và cách li sinh học.
- c. Chọn lọc tự nhiên tác động thông qua đặc tính biến dị - di truyền của sinh vật.
- d. Thay đổi tập quán hoạt động ở động vật hoặc do ngoại cảnh thay đổi.

Câu 35: Đóng góp quan trọng nhất của học thuyết Lamac là

- a. Bác bỏ vai trò của thượng đế trong việc tạo ra các loài.
- b. Giải thích được sự đa dạng của sinh giới.
- c. Nêu bật được vai trò của thượng đế trong việc sáng tạo ra các loài sinh vật
- d. Chứng minh được sinh giới là kết quả của một quá trình tiến hoá liên tục từ đơn giản đến phức tạp.

Câu 36: Cơ chế tiến hoá của học thuyết Đacuyn là

- a. Sự tích lũy các đột biến trung tính một cách ngẫu nhiên không liên quan tới tác dụng của CLTN
- b. Sự di truyền các đặc tính thu được trong đời cá thể dưới tác dụng của ngoại cảnh hay tập quán động vật.
- c. Sự tích lũy các biến đổi có lợi, sự đào thải các biến dị có hại dưới tác động của chọn lọc tự nhiên.
- d. Sự thay đổi thường xuyên không đồng nhất dẫn đến sự thay đổi dần dà liên tục.

Câu 37: Thực chất của quá trình chọn lọc tự nhiên theo Đacuyn là

- a. Phân hoá khả năng sinh sản của các cá thể trong quần thể.
- b. Sinh giới là kết quả quá trình phát triển liên tục từ đơn giản đến phức tạp.
- c. Đào thải các biến dị có hại cho con người.
- d. Giữ lại các biến dị cho con người

Câu 38: Động lực của quá trình chọn lọc tự nhiên là

- a. Quá trình đấu tranh giữa sinh vật và ngoại cảnh.
- b. Tồn tại các cá thể thích nghi với nhu cầu của con người từ đó hình thành thứ, nòi khác nhau.
- c. Tồn tại những cá thể thích nghi nhất với đời sống từ đó hình thành loài mới.
- d. Do nhu cầu thị hiếu luôn thay đổi của môi trường.

Câu 39: Kết quả chọn lọc tự nhiên theo Đacuyn là

- a. Tồn tại những cá thể thích nghi nhất với điều kiện sống từ đó hình thành loài mới.
- b. Tồn tại những cá thể thích nghi nhất với nhu cầu của con người.
- c. Quá trình đấu tranh sinh tồn giữa sinh vật và ngoại cảnh
- d. Tạo nhu cầu thị hiếu thay đổi của con người

Câu 40: Người đầu tiên đưa ra khái niệm về biến dị cá thể là

- a. Kimura
- b. Đacuyn
- c. Lamac
- d. Menden

Câu 41: Theo Đacuyn nguyên nhân tiến hoá là

- a. Tác động của ngoại cảnh hay tập quán hoạt động của động vật
- b. Chọn lọc tự nhiên tác động thông qua đặc tính biến dị và di truyền của sinh vật.
- c. Tác động trực tiếp của ngoại cảnh lên cơ thể sinh vật trong quá trình phát triển cá thể.
- d. Sự củng cố ngẫu nhiên các biến dị trung tính không liên quan tới tác dụng của chọn lọc tự nhiên.

TRẮC NGHIỆM TIẾN HÓA

Câu 42: Vai trò của của quá trình ngẫu phối đối với tiến hoá là

- a. Làm thay đổi giá trị thích nghi của các kiểu gen
- b. Tạo nguồn nguyên liệu thứ cấp
- c. Làm thay đổi vốn gen của quần thể
- d. Tạo nguồn nguyên liệu sơ cấp

Câu 43: Động lực của quá trình chọn lọc nhân tạo theo Đacuyn là

- a. Quá trình đấu tranh sinh tồn giữa sinh vật và ngoại cảnh
- b. Tồn tại những cá thể thích nghi nhất với nhu cầu của con người.
- c. Do nhu cầu thị hiếu luôn thay đổi của con người.
- d. Tồn tại những cá thể thích nghi nhất với điều kiện sống từ đó hình thành loài mới.

Câu 44: Kết quả của quá trình chọn lọc nhân tạo theo Đacuyn là

- a. Giữ lại những biến dị có lợi cho con người.
- b. Tạo ra những cá thể phù hợp nhất với nhu cầu của con người từ đó hình thành thứ, nòi khác nhau.
- c. Tồn tại những cá thể thích nghi nhất đối với điều kiện sống
- d. Quá trình đấu tranh sinh tồn giữa sinh vật và ngoại cảnh

Câu 45: Tiến hoá nhỏ là:

- a. Quá trình biến đổi thành phần kiểu gen của quần thể và kết quả hình thành các đặc điểm thích nghi
- b. Quá trình biến đổi thành phần kiểu gen của quần thể và kết quả hình thành loài mới.
- c. Sự đa hình di truyền của quần thể chủ yếu là do đột biến và chúng được duy trì bằng các yếu tố ngẫu nhiên.
- d. Quá trình biến đổi thành phần kiểu gen của quần thể và hình thành các nhóm phân loại trên người.

Câu 46: Đột biến gen là nguồn nguyên liệu chủ yếu của quá trình tiến hoá vì:

- a. Đa số đột biến gen đều có hại
- b. Số lượng đột biến gen nhiều, ít gây hậu quả nghiêm trọng.
- c. Ít phổ biến hơn biến dị NST, không gây ảnh hưởng đến sức khỏe sinh sản của sinh vật.
- d. Các đột biến gen thường ở trạng thái lặn.

Câu 47: Đa số các đột biến có hại vì:

- a. Thường làm mất đi nhiều gen trong tổ hợp gen.
- b. Phá vỡ mối quan hệ hoàn thiện trong cơ thể, giữa cơ thể và môi trường.
- c. Thường biểu hiện ngẫu nhiên, không định hướng.
- d. Thường làm tăng nhiều tổ hợp gen trong cơ thể.

Câu 48: Có hiện tượng di nhập gen là vì:

- a. Có sự giao phối tự do ngẫu nhiên.
- b. Có sự cách li ngẫu nhiên.
- c. Có sự trao đổi các cá thể giữa các quần thể.
- d. Có sự cạnh tranh giữa các cá thể cùng loài.

Câu 49: Giao phối không ngẫu nhiên là một nhân tố tiến hoá vì:

- a. Tạo nguồn nguyên liệu thứ cấp
- b. Làm thay đổi tần số alen của quần thể.
- c. Tạo ra nguồn nguyên liệu sơ cấp.
- d. Làm thay đổi cấu trúc thành phần kiểu gen của quần thể, tăng tần số kiểu gen đồng hợp, giảm tần số kiểu gen dị hợp.

Câu 50: Thuyết tiến hoá hiện đại đã hoàn chỉnh quan niệm của Đacuyn về chọn lọc tự nhiên thể hiện:

- a. Phân biệt được biến dị di truyền và biến dị không di truyền
- b. Sự phân hoá khả năng sinh sản của các kiểu gen khác nhau trong quần thể.

TRẮC NGHIỆM TIẾN HÓA

- c. Đè cao vai trò của chọn lọc tự nhiên trong quá trình hình thành loài mới.
- d. Làm sáng tỏ nguyên nhân phát sinh biến dị và cơ chế di truyền biến dị.

Câu 51: Những cơ quan nào dưới đây là cơ quan tương đồng:

- a. Chân chuột chũi và chân dế dũi.
- b. Mang cá và mang tôm
- c. Tuyến nọc độc của rắn và tuyến nước bọt của các động vật khác.
- d. Cánh sâu bọ và cánh dơi

Câu 52: Qua quá trình phát triển của phôi người có thể đưa ra nhận xét:

- a. Thể hiện hiện tượng lại tổ.
- b. Phôi người phát triển hoàn toàn khác biệt so với các động vật khác
- c. Phôi người được hình thành từ sự thoái hoá của các cơ quan trong bào thai.
- d. Quá trình phát triển của phôi người lặp lại những giai đoạn lịch sử của động vật.

Câu 53: Hoàn thành câu sau đây: Mọi tương quan giữa hệ gen với cơ thể cũng tương tự như tương quan giữa.... với quần thể.

- a. Gen
- b. Loài
- c. Vốn gen
- d. Biến dị

Câu 54: Thuật ngữ nào sau đây chỉ sự thay đổi về tần số tương đối của alen trong quần thể.

- a. Tiến hoá nhỏ.
- b. Tiến hoá lớn
- c. Phân li độc lập
- d. Vốn gen

Câu 55: Trong điều kiện nào hiệu ứng của phiêu bạt di truyền là lớn nhất.

- a. Cạnh tranh trong loài yếu
- b. Kích thước quần thể lớn
- c. Cạnh tranh trong loài mạnh
- d. Kích thước quần thể bé.

Câu 56: Phiêu bạt di truyền là quá trình dựa trên cơ sở nào:

- a. Đột biến
- b. Nhập cư
- c. Vai trò của sự ngẫu nhiên
- d. Quá trình sinh sản phân hoá tương ứng với mối tương quan giữa kiểu hình và môi trường.

Câu 57: Theo học thuyết tiến hoá hiện đại, khẳng định nào sau đây là đúng.

- a. Sự phân li và tổ hợp tự do giải thích tiến hoá cá thể chứ không phải loài.
- b. Tiến hoá độc lập với di truyền.
- c. Chỉ có một số loài động vật là sinh sản hữu tính.
- d. Quần thể là đơn vị tiến hoá.

Câu 58: Yếu tố nào sau đây không gây ra biến đổi về tần số alen trong quần thể:

- a. Giao phối không ngẫu nhiên
- b. Chọn lọc chống lại kiểu hình lặn
- c. Chọn lọc chống lại kiểu hình trội
- d. Phiêu bạt gen

Câu 59: Những cơ quan thoái hoá trên cơ thể người là:

- a. Sự tái hiện một số đặc điểm của tổ tiên.
- b. Sự phát triển bất thường trong quá trình phát triển của phôi.
- c. Di tích của những cơ quan xưa kia khá phát triển ở động vật có xương sống.
- d. Sự thoái hoá của các cơ quan do không được cơ thể sử dụng.

Câu 60: Hiện tượng người có sự phát triển của phôi thai giống phôi nhiều động vật có xương sống được gọi là:

- a. Cơ quan thoái hoá
- b. Hiện tượng lại tổ.
- c. Thể thức cấu tạo chung
- d. Bằng chứng phôi sinh học

TRẮC NGHIỆM TIẾN HÓA

Câu 61: Cơ quan được bắt nguồn từ một cơ quan ở một loài tổ tiên nhưng nay không còn chức năng hoặc chức năng bị tiêu giảm được gọi là:

- a. Bằng chứng phôi sinh học
- b. Thê thức cấu tạo chung
- c. Hiện tượng lại tổ.
- d. Cơ quan thoái hoá

Câu 62: Luận điểm nào dưới đây là luận điểm chủ yếu trong học thuyết tiến hoá của Lamac.

- a. Sự tiến hoá diễn ra bằng sự củng cố ngẫu nhiên các đột biến trung tính không liên quan đến CLTN.
- b. CLTN tác động thông qua đặc tính biến dị và di truyền là nhân tố chính trong quá trình hình thành những đặc điểm thích nghi trên cơ thể sinh vật.
- c. Tiến hoá là sự phát triển có kế thừa lịch sử theo hướng từ giản đơn đến phức tạp.
- d. Các đặc điểm thích nghi của SV được hình thành qua CL các biến dị, đào thải các dạng kém thích nghi.

Câu 63: Đóng góp quan trọng nhất trong học thuyết Lamac là:

- a. Giải thích sự đa dạng của sinh giới bằng thuyết biến hình.
- b. Lần đầu tiên chứng minh được sinh giới là một quá trình phát triển liên tục từ đơn giản đến phức tạp.
- c. Nêu được vai trò của CLTN trong quá trình tiến hoá của sinh giới.
- d. Bác bỏ vai trò của thượng đế trong việc sáng tạo ra các loài sinh vật.

Câu 64: Theo Lamac, nguyên nhân hình thành các đặc điểm thích nghi.

- a. Đặc điểm cấu tạo biến đổi dưới ảnh hưởng của ngoại cảnh
- b. Ngoại cảnh thay đổi chậm, sinh vật có khả năng phản ứng phù hợp nên không bị đào thải.
- c. Sự tích lũy các biến dị có lợi, đào thải các biến dị có hại dưới tác động của chọn lọc tự nhiên.
- d. Trên cơ sở BD, DT, CL các dạng kém thích nghi bị đào thải, chỉ còn lại những dạng thích nghi nhất.

Câu 65: Tôn tại chủ yếu của học thuyết Lamac là:

- a. Chưa hiểu cơ chế tác dụng của ngoại cảnh, chưa hiểu được biến dị di truyền và biến dị không di truyền.
- b. Sinh vật có khả năng phản ứng phù hợp nên trong lịch sử không có loài nào bị đào thải.
- c. Thừa nhận sinh vật vốn có khả năng phản ứng phù hợp với ngoại cảnh.
- d. Cho rằng cơ thể sinh vật vốn có khuynh hướng cố gắng vươn lên để hoàn thiện về tổ chức.

Câu 66: Theo Đacuyn, biến dị cá thể là:

- a. Chỉ sự phát sinh những đặc điểm sai khác giữa các cá thể cùng loài trong quá trình sinh sản.
- b. Chỉ sự sai khác giữa các cá thể trong cùng một quần thể.
- c. Chỉ sự phát sinh những đặc điểm sai khác giữa các cá thể cùng loài trong quá trình phát triển cá thể
- d. Chỉ sự phát sinh những biến đổi đồng loạt theo một hướng xác định tương ứng với điều kiện môi trường.

Câu 67: Theo Đacuyn, nguyên nhân cơ bản của tiến hoá là:

- a. Tác động trực tiếp của ngoại cảnh lên cơ thể sinh vật trong quá trình phát triển của cá thể.
- b. Chọn lọc tự nhiên tác động thông qua đặc tính biến dị và di truyền của sinh vật.
- c. Sự củng cố ngẫu nhiên các đột biến trung tính.
- d. Những biến đổi trên cơ thể sinh vật dưới tác dụng của ngoại cảnh hay tập quán hoạt động của động vật.

Câu 68: Theo Đacuyn kết quả của chọn lọc tự nhiên là:

- a. Những sinh vật nào thích nghi với điều kiện sống thì mới sống sót và phát triển.
- b. Những sinh vật nào sinh sản được thì sống sót.
- c. Những kiểu gen thích nghi được chọn lọc.
- d. Hình thành loài mới

TRẮC NGHIỆM TIẾN HÓA

Câu 69: Theo Đacuyn cơ chế của tiến hoá là:

- a. Sự tích lũy những biến dị có lợi, đào thải những biến dị có hại dưới tác động của CLTN.
- b. Sự DT các đặc tính thu được trong đời cá thể dưới tác dụng của ngoại cảnh hay tập quán hoạt động của ĐV.
- c. Sự tích lũy các biến dị xuất hiện trong sinh sản.
- d. Sự củng cố ngẫu nhiên những đột biến trung tính không liên quan đến CLTN.